

Số: 1439/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực công chứng, chứng thực, luật sư và trọng tài thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1856/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới; TTHC được sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ trong các lĩnh vực công chứng, chứng thực, luật sư và trọng tài thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Công bố danh mục 39 TTHC ban hành mới, gồm: 02 TTHC lĩnh vực chứng thực; 02 TTHC lĩnh vực luật sư; 07 TTHC lĩnh vực trọng tài thương mại; 28 TTHC lĩnh vực công chứng.

2. Sửa đổi, bổ sung 38 TTHC tại các Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, bao gồm:

a) 14 TTHC lĩnh vực chứng thực: số thứ tự 1, 8, số thứ tự từ 15 đến 22 Mục IV tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025; Số thứ tự 7 Mục IV Phần D tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022.

b) 18 TTHC lĩnh vực luật sư: số thứ tự từ 01 đến 17 Mục I tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024; số thứ tự 09 Mục II Phần A tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022.

c) 06 TTHC lĩnh vực trọng tài thương mại: số thứ tự từ 01 đến 05 Mục VII tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024; Số thứ tự 04 Mục VIII tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022.

3. Bãi bỏ 26 TTHC tại các Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, bao gồm:

a) 03 TTHC lĩnh vực chứng thực (số thứ tự từ 9 đến 11 Phần IV) tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025.

b) 23 TTHC lĩnh vực công chứng: số thứ tự 01 Mục A; số thứ tự từ 01 đến 06 Mục I Phần B tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023; số thứ tự từ 01 đến 09, 11 Mục III tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024; số thứ tự từ 02 đến 05 Mục I Phần B; số thứ tự 12, 14 Mục I Phần C tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *le*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC LUẬT SƯ, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1439 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (39)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (39)					
I	LĨNH VỰC LUẬT SƯ (02)				
1	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư. Mã TTHC: 1.008614	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định, Sở Tư pháp thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, trừ trường hợp Quyết định kỷ luật luật sư bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư bị khiếu nại và đang được giải quyết theo quy định của pháp luật.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài. Mã TTHC: 1.001928	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp quy định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.			về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
II LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (07)					
1	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài Mã TTHC: 2.000822	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 3.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài Mã TTHC: 2.000819	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
3	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài Mã TTHC: 1.008885	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm trọng tài	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
4	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.008886	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 10.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
5	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.001609	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 4.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
6	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài. Mã TTHC: 1.008887				- Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
7	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.008888	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
III LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (03)					
1	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự Mã TTHC: 2.000988	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đại diện.	- Phí: 10 USD/bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự Mã TTHC: 2.000975	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đại diện.	- Phí: 10 USD/bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
IV LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (28)					
1	Bổ nhiệm công chứng viên Mã TTHC: 1.013803	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.			
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên Mã TTHC: 1.013804	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên;	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.			
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) Mã TTHC: 1.013805	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, trong đó nêu rõ quá trình hành nghề của công chứng viên và đề xuất của Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, làm rõ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		minh thông tin trong hồ sơ. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin. Việc xác minh tính hợp pháp của hồ sơ thực hiện không quá 20 ngày làm việc.			
4	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài Mã TTHC: 1.013806	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
5	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.013807	- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.013808	- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
7	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Mã TTHC: 1.013810	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được nhận tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới, người tập sự nộp Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị. - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì trong thời hạn 10 ngày	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.			
8	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác Mã TTHC: 1.013812	* Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự. * Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự: - Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
9	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 3.000444	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.013816	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
11	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.013818	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
12	Cấp Thẻ công chứng viên Mã TTHC: 1.013859	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định và cấp thẻ cho công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
13	Cấp lại Thẻ công chứng viên Mã TTHC: 1.013830	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cho công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
14	Thu hồi Thẻ công chứng viên Mã TTHC: 1.013832	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm công chứng viên, Sở Tư pháp nơi cấp thẻ công chứng viên ra quyết định thu hồi thẻ công chứng viên. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Phòng công chứng về việc công chứng viên không còn hành nghề tại Phòng công chứng hoặc kể từ ngày quyết định chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng có hiệu lực, Sở Tư pháp nơi Phòng	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		công chứng đặt trụ sở ra quyết định thu hồi thẻ công chứng viên - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng có hiệu lực (áp dụng với trường hợp Văn phòng công chứng chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật Công chứng), Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ của công chứng viên hành nghề tại Văn phòng công chứng đó.			
15	Thành lập Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.013834	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (thời hạn để Sở Tư pháp trình hồ sơ lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nêu hồ sơ đủ điều kiện); - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ hợp lệ (thời hạn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng).	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
16	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.013835	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.013836	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
18	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng Mã TTHC: 1.013837	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
19	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh Mã TTHC: 1.013839	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất Mã TTHC: 1.013840	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng hợp nhất, thu hồi giấy đăng ký hoạt	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		động của Văn phòng công chứng bị hợp nhất, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên của Văn phòng công chứng hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do			
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh Mã TTHC: 1.013842	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập Mã TTHC: 1.013843	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
23	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.013846	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.			
24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp Mã TTHC: 1.013848	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng chuyển nhượng vốn góp, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
25	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh Mã TTHC: 1.013849	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ng nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do			
26	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân Mã TTHC: 1.013852	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép bán Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.
27	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán Mã TTHC: 1.013853	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng, thu hồi giấy đăng ký hoạt động cũ của Văn phòng công chứng, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên mua Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
28	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025 Mã TTHC: 1.013856	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản thông báo cho Văn phòng công chứng về việc Văn phòng công chứng đã hoàn thành nghĩa vụ xây dựng Điều lệ; trường hợp Điều lệ của Văn phòng công chứng chưa có đủ các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này thì Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu Văn phòng công chứng sửa đổi, bổ sung Điều lệ và gửi về Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tư pháp	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1859/QĐ-BTP.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (38)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (25)				
I	LĨNH VỰC LUẬT SƯ (18)				
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. Mã TTHC: 1.000828	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không</i>	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</i>			- Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư. Mã TTHC: 1.000688	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư. Mã TTHC: 1.008624	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.			
4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý. Mã TTHC: 1.008628	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
5	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Mã TTHC: 1.002010	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, người bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP. - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
6	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Mã TTHC: 1.002032	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, tổ chức hành nghề luật sư phải đăng ký với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP.
7	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Mã TTHC: 1.002055	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
8	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh. Mã TTHC: 1.002079	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP. - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư. Mã TTHC: 1.002099	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
10	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân. Mã TTHC: 1.002153	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
11	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. Mã TTHC: 1.002181	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
12	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. Mã TTHC: 1.002198	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; - Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
13	Hợp nhất công ty luật. Mã TTHC: 1.002218	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	Sáp nhập công ty luật. Mã TTHC: 1.002234	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
15	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật. Mã TTHC: 1.008709	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
16	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài. Mã TTHC: 1.002398	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
17	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam. Mã TTHC: 1.002384	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 600.000 đồng/hồ sơ.	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.
18	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài. Mã TTHC: 1.002384	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung số 20/2012/QH13; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Quyết định số 1852/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (06)					
1	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác Mã TTHC: 1.008889	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.500.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác Mã TTHC: 1.008890	- Trường hợp đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài: trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 1.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: - 1.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.008904			đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; - 3.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Mã TTHC: 1.008905	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 500.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12. - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác Mã TTHC: 1.008906	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí thẩm định: 5.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Mã TTHC: 1.001248	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP; - Quyết định số 1856/QĐ-BTP.
III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (01)					
1	Cấp bản sao từ sổ gốc Mã TTHC: 2.000908	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Cơ quan, tổ chức lập sổ gốc.	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (13)					
I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13)					
1	Cấp bản sao từ sổ gốc Mã TTHC: 2.000908	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải	Cơ quan, tổ chức lập sổ gốc.	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận Mã TTHC: 2.000815	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; Tổ chức hành nghề công chứng; Cơ quan đại diện.	- Phí: - Tại UBND cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính; - Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) Mã TTHC: 2.000884	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; Tổ chức hành nghề công chứng, Cơ quan đại diện.	- Phí: - Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản). - Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
4	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Mã TTHC: 2.001035	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
5	Chứng thực di chúc Mã TTHC: 2.001019	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 50.000 đồng/di chúc.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			- Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
6	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản Mã TTHC: 2.001016	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
7	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Mã TTHC: 2.001406	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
8	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở Mã TTHC: 2.001009	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
9	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch Mã TTHC: 2.000913	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
10	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch Mã TTHC: 2.000927	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
11	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực Mã TTHC: 2.000942	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		tính theo trang của bản chính.	
12	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã Mã TTHC: 2.000992	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 10.000 đồng/trường hợp.	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.
13	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã Mã TTHC: 2.001008	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Phí: 10.000 đồng/trường hợp.	- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1857/QĐ-BTP.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (26)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
II	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (23)	
1	Bổ nhiệm công chứng viên Mã TTHC: 1.000112	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên Mã TTHC: 1.000100	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) Mã TTHC: 1.000075	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP
4	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.001071	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
5	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.001446	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Mã TTHC: 1.001125	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
7	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác Mã TTHC: 1.001153	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
8	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.001438	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
9	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.001721	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
10	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên Mã TTHC: 1.001756	Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
11	Cấp lại Thẻ công chứng viên Mã TTHC: 1.001799	Thông tư số 05/2025/TT-BTP
12	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	Thông tư số 05/2025/TT-BTP

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Mã TTHC: 2.002387	
13	Thành lập Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.001877	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
14	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng Mã TTHC: 2.000789	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
15	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng Mã TTHC: 2.000778	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
16	Hợp nhất Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.001688	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
17	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất Mã TTHC: 2.000766	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
18	Sáp nhập Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.001665	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
19	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập Mã TTHC: 2.000758	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
20	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng Mã TTHC: 1.001647	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
21	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng Mã TTHC: 2.000743	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
22	Thành lập Hội công chứng viên Mã TTHC: 1.003118	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP
23	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng Mã TTHC: 1.012019	Thông tư số 06/2025/TT-BTP
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (03)		
II LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (03)		
1	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản Mã TTHC: 2.001044	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
2	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản Mã TTHC: 2.001050	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP.
3	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản Mã TTHC: 2.001052	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP.